

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 37/2021/HS-ST

Ngày 29 - 6 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Giang Thanh

Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971; Nơi cư trú: số nhà 65, tổ 10, khu đô thị KB, phường KB, thành phố ThB, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Viên chức; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T (đều đã chết); Chồng: Đàm Văn Th sinh năm 1960; Có 2 con; con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo là đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTĐUK ngày 15/9/2020 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

*** Bị hại:** Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Như H – Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Tạ Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 7, T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh

Thái Bình (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Đ N, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

3. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

4. Ông Đoàn Văn Nh, sinh năm 1954 , địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

6. Ông Trần Đình L, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu Chàng I, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: Thôn Đ N, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn Kh N, xã Ch S, huyện Qu Ph, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu Nhân Cầu 2, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

10. Ông Vũ Quý Đ, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

11. Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn M Đ, xã V C, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

12. Ông Trần Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Ch Tr 2, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

13. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1967, địa chỉ: Khu T L, xã M Kh, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

14. Ông Hà Kh, sinh năm 1962, địa chỉ: xã Ph Kh, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

15. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

16. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

17. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 , địa chỉ: Thôn , xã Th Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

18. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Đ N, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

19. Bà Trần Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Ch Tr 2, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (2 đơn mua lại của Lịch)
20. Chị Nguyễn Thị L (con bà Phạm Thị X), sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);
21. Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
22. Ông Vũ Thế Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
23. Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
24. Ông Bùi Văn Qu, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
25. Ông Nguyễn Đình Nh, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ H, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)
26. Bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
27. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
28. Ông Lê Văn N; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
29. Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
30. Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
31. Ông Trần Văn Ngh, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
32. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
33. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
34. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
35. Ông Trần Xuân Qu, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)
36. Ông Hà Văn Th; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình;

(vắng mặt)

37. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

38. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

39. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

40. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

41. Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

42. Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

43. Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

44. Ông Nguyễn Quang Ph, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

45. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

46. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

47. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

48. Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

49. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

50. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

51. Ông Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

52. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

53. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (có mặt)

54. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

55. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

56. Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

57. Ông Phạm Văn Đ; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

58. Ông Nguyễn Hồng Ph; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

59. Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

60. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn Vũ Đông, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

62. Bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Thôn Vũ Đông, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

61. Ông Nguyễn Quốc Ph, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

62. Ông Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1947; địa chỉ: Số nhà 32, đường số 9, phố Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

63. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

64. Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

65. Ông Nguyễn Xuân M; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

66. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

67. Ông Vũ Văn Ng; địa chỉ: Thôn Hợp Đoài, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc L (vắng mặt)

Nguyên Cán bộ văn phòng UBND xã H L, huyện H H,

2. Ông Phạm Văn L (vắng mặt)

Công chức địa chính xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ng là viên chức nhà nước, công tác tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, được giao nhiệm vụ là thư ký các cuộc đấu giá, phụ trách hồ sơ đấu giá trong đó có việc bán đơn, tập hợp và thu tiền bán đơn của những người đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất tại các xã trên địa bàn huyện H H nộp về Trung tâm đấu giá tài sản.

Năm 2018, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thuộc Sở tư pháp tỉnh Thái Bình (viết tắt Trung tâm đấu giá) ký hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất các khu quy hoạch thuộc các xã trên địa bàn huyện H H, tỉnh Thái Bình với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H H (gọi tắt là Trung tâm quỹ đất). Trung tâm đấu giá đã tổ chức 35 cuộc đấu giá, đã thanh lý 22 hợp đồng. Theo quy định, Ủy ban nhân dân các xã tổ chức bán đơn và nộp lại cho Nguyễn Thị Ng đơn, tiền bán đơn, danh sách những người mua đơn đăng ký tham gia đấu giá. Sau khi đấu giá xong, Ủy ban nhân dân các xã CT, L H, Ch L, H A, H L và xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình mới bàn giao đơn, danh sách những người mua đơn đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và tiền bán đơn cho Nguyễn Thị Ng. Nguyễn Thị Ng không nộp toàn bộ số tiền bán đơn, danh sách người mua đơn về Trung tâm đấu giá mà căn cứ Phiếu trả giá có trong hồ sơ đấu giá của từng trường hợp, Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách những người mua đơn tham gia đấu giá rồi ký giả tên của người lập danh sách bán đơn và số tiền theo danh sách Nguyễn Thị Ng lập nộp về Trung tâm đấu giá, còn những người mua đơn nhưng không tham gia đấu giá (không có Phiếu đấu giá trong hồ sơ đấu giá) Nguyễn Thị Ng không nộp về Trung tâm đấu giá mà chiếm đoạt số tiền này. Lợi dụng việc Ủy ban nhân dân 02 xã H L, Đ H thu tiền bán đơn xin đấu giá quyền sử dụng đất vượt quy định, Nguyễn Thị Ng biết thu vượt quy định nhưng không trả lại cho Ủy ban nhân dân 02 xã để trả cho những mua đơn mà chiếm đoạt số tiền thu vượt này để sử dụng cá nhân, cụ thể:

- Xã CT: Ngày 06/6/2018, Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 10 bán đấu giá 09 lô đất tại xã CT. Theo thông báo của Trung tâm đấu giá mức thu bán đơn xin đấu giá là 100.000 đồng/đơn. Ủy ban nhân dân xã CT đã bán được 28 đơn thu 2.800.000 đồng. Ngày 25/6/2018, tổ chức bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá ông Trần Thế T- Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã CT giao cho Nguyễn Thị Ng 2.800.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh

sách 8 trường hợp với 13 đơn của những người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, có phiếu trả giá thu bằng 1.300.000 đồng. Ngày 17/6/2020, Nguyễn Thị Ng nộp 1.300.000 đồng về Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 57, còn lại 15 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu giá với tổng số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Xã L H: Ngày 18/10/2016, Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 25 bán đấu giá 03 lô đất tại xã L H. Theo thông báo của Trung tâm đấu giá mức thu bán đơn xin đấu giá là 200.000 đồng/đơn, Ủy ban nhân dân xã L H đã bán được 19 đơn thu 3.800.000 đồng. Ngày 25/6/2018, tổ chức bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá, ông Hoàng Văn Th - Cán bộ địa chính xã L H đã giao cho Nguyễn Thị Ng 3.800.000 đồng. Sau đó Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách 07 trường hợp bằng 9 đơn của những người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, có phiếu trả giá thu về bằng 1.800.000 đồng. Ngày 25/6/2018, Nguyễn Thị Ng nộp 1.800.000 đồng về Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 104, còn lại 10 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu với tổng số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Xã Ch L: Ngày 28/5/2018, Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 18 bán đấu giá 22 lô đất tại xã Ch L. Theo thông báo của Trung tâm đấu giá mức thu bán đơn xin đấu giá là 200.000 đồng/đơn, Ủy ban nhân dân xã Ch L đã bán được 208 đơn thu 41.600.000 đồng. Ngày 09/7/2018, tổ chức bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá bà Phạm Thị L - Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã Ch L giao cho Nguyễn Thị Ng 41.600.000 đồng, Nguyễn Thị Ng đã đưa lại cho bà Phạm Thị L 2.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách 66 trường hợp bằng 67 đơn của những người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, có phiếu trả giá thu về bằng 11.700.000 đồng. Ngày 25/6/2018, Nguyễn Thị Ng nộp 11.700.000 đồng về Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 149, còn lại 141 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu với tổng số tiền 27.900.000 đồng, Nguyễn Thị Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Xã H A: Ngày 06/8/2018, Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 24 bán đấu giá 07 lô đất tại xã H A. Theo quy định tại Thông tư 48/2017/TT-BTC của Bộ tài chính thì mức thu là 100.000 đồng/đơn. Ủy ban nhân dân xã H A không nhận được thông báo của Trung tâm đấu giá về lệ phí mua đơn mà tự đưa ra mức thu tiền bán đơn là 200.000 đồng/đơn, Ủy ban nhân dân xã đã bán được 42 đơn thu 8.400.000 đồng (thu vượt 4.200.000 đồng). Ngày 19/8/2018, tổ chức bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá Nguyễn Thị Ng gặp bà

Nguyễn Thị V - Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã H A thu theo giá 100.000 đồng/đơn tổng 4.200.000 đồng, còn 4.200.000 đồng bà Vinh dùng thanh toán cho chi phí tổ chức bán đấu giá. Sau đó Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách 12 trường hợp bằng 33 đơn của những người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, có phiếu trả giá thu về bằng 3.300.000 đồng. Ngày 01/10/2018, Nguyễn Thị Ng nộp 3.300.000 đồng về Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 168, còn lại 9 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu với tổng số tiền 900.000 đồng, Nguyễn Thị Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Xã H L: Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 11 ngày 05/10/2017 và số 09 ngày 06/4/2018 bán đấu giá 49 lô đất tại xã H L. Theo quy định tại Thông tư 48/2017/TT-BTC của Bộ tài chính các lô đất này chỉ được thu tiền bán đơn đấu giá là 100.000 đồng/đơn. Ủy ban nhân dân xã H L không nhận được thông báo của Trung tâm đấu giá về lệ phí mua đơn mà tự đưa ra mức thu tiền bán đơn là 100.000 đồng/ đơn và 200.000 đồng/đơn theo vị trí từng lô đất. Ủy ban nhân dân xã H L đã bán được 83 đơn thu 15.400.000 đồng, theo quy định Ủy ban nhân dân xã H L đã thu vượt của người mua đơn 7.100.000 đồng. Ngày 03/5/2018, tổ chức bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá Nguyễn Thị Ng nhận từ ông Nguyễn Ngọc L - Thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã H L 15.400.000 đồng theo Phiếu chi số 131 của Ủy ban nhân dân xã H L. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị Ng biết Ủy ban nhân dân xã H L đã thu tiền bán đơn của người dân vượt quá quy định 7.100.000 đồng, Nguyễn Thị Ng không trả lại cho Ủy ban nhân dân xã H L để trả lại cho những người đã thu vượt quy định mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Sau đó Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách 58 trường hợp bằng 80 đơn của những người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, có phiếu trả giá thu về bằng 8.000.000 đồng. Ngày 25/5/2018, Nguyễn Thị Ng nộp 8.000.000 đồng về quỹ Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 095, còn lại 03 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu giá với tổng số tiền mua đơn 300.000 đồng Nguyễn Thị Ng phải nộp về Trung tâm đấu giá và số tiền 7.100.000 thu vượt Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Xã Đ H: Ngày 01/3/2018, Trung tâm đấu giá và Trung tâm quỹ đất huyện H H ký hợp đồng số 06 bán đấu giá 23 lô đất tại xã Đ H. Theo quy định tại Thông tư 48/2017/TT-BTC của Bộ tài chính các lô đất này chỉ được thu tiền bán đơn đấu giá là 100.000 đồng/đơn. Ủy ban nhân dân xã Đ H không nhận được thông báo của Trung tâm đấu giá về lệ phí mua đơn mà tự đưa ra mức thu tiền bán đơn là 200.000 đồng/đơn. Ủy ban nhân dân xã Đ H đã bán 67 đơn thu 13.400.000 đồng (Ủy ban nhân dân xã đã thu vượt so với quy định 6.700.000 đồng). Ngày 04/5/2018, tổ chức

bán đấu giá, kết thúc cuộc đấu giá ông Nguyễn Văn B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ H giao cho Nguyễn Thị Ng đủ 13.400.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị Ng biết Ủy ban nhân dân xã Đ H đã thu tiền bán đơn vượt quá quy định 6.700.000 đồng, Nguyễn Thị Ng không trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Đ H để trả lại cho những người đã thu vượt quy định mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Sau đó Nguyễn Thị Ng chỉ lập danh sách thu tiền bán đơn của 18 trường hợp bằng 38 đơn của những người tham gia đấu giá, có phiếu trả giá thu về bằng 3.800.000 đồng. Ngày 22/8/2018 Nguyễn Thị Ng nộp 3.800.000 đồng về Trung tâm đấu giá theo Phiếu thu số 148, còn 38 đơn của những người mua đơn bỏ không tham gia đấu giá với tổng số tiền 2.900.000 đồng phải nộp về Trung tâm đấu giá và 6.700.000 đồng tiền thu vượt của cá nhân, Nguyễn Thị Ng chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Cáo trạng số 32/CT-VKSTB ngày 07/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Thị Ng về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự và tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mô tả, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ng phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 356; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Điều 55 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 03 (ba) năm 09 tháng đến 04 (bốn) năm 06 tháng, ngoài ra còn đề nghị về hình phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đấu giá tài sản từ 1 năm đến 2 năm, đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng

của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau:

- Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất năm 2018 tại 06 xã Đ H, H L, CT, L H, Ch L và xã H A, huyện H H (Bút lục số 366 đến số 1193);

- Biên bản quản lý tài liệu hồi 13 giờ 15 phút ngày 12/6/2020 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Trung tâm đấu giá đã cung cấp tài liệu chứng từ kế toán liên quan đến các khoản thu tiền bán đơn, danh sách trên địa bàn huyện H H, gồm (Bút lục số 1238 đến 1240):

- + Phiếu thu số 149 ngày 22/8/2018 của Trung tâm đấu giá thể hiện Nguyễn Thị Ng nộp tiền: Thu tiền thù lao đấu giá quyền sử dụng đất xã Ch L, huyện H H 11.700.000 đồng; Danh sách những người đăng ký tham gia đấu giá; Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn bán hàng (Bút lục từ số 1241 đến số 1245);

- + Phiếu thu số PT168 ngày 01/10/2018 của Trung tâm đấu giá thể hiện Nguyễn Thị Ng nộp tiền: Thu tiền thù lao đấu giá quyền sử dụng đất xã H A, huyện H H 3.300.000 đồng; Danh sách những người đăng ký tham gia đấu giá; Biên bản thanh lý hợp đồng; (Bút lục từ số 1246 đến số 1248);

- + Phiếu thu số PT 148 ngày 22/8/2018 của Trung tâm đấu giá, thể hiện Nguyễn Thị Ng nộp tiền: Thu tiền thù lao đấu giá quyền sử dụng đất xã Đ H, huyện H H 3.800.000 đồng; Danh sách người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất; Biên bản thanh lý hợp đồng (Bút lục từ số 1249 đến số 1252)

- + Phiếu thu số PT 104 ngày 25/6/2018 của Trung tâm đấu giá, thể hiện Nguyễn Thị Ng nộp tiền thu hồ sơ tham gia đấu giá đất xã L H 1.800.000 đồng; Danh sách người đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất; Biên bản thanh lý hợp đồng (Bút lục từ số 1253 đến số 1255);

- + Phiếu thu số PT 095 ngày 25/5/2018 của Trung tâm đấu giá, thể hiện Nguyễn Thị Ng nộp tiền thù lao đấu giá đất xã H L, H H 8.000.000 đồng; Danh sách những người tham gia đấu giá quyền; Biên bản thanh lý hợp đồng (Bút lục từ số 1256 đến số 1259);

- Biên bản quản lý đồ vật tài liệu ngày 03/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập tại Ủy ban nhân dân xã H L, quản lý: 01 phiếu chi ngày 03/5/2018, người nhận tiền Nguyễn Thị Ng số tiền 15.400.000đ; Danh sách nộp tiền đơn đấu giá tại xã H L (Bút lục từ số 2232 đến số 2240);

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 12/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập tại Ủy ban nhân dân xã Ch L, huyện H H, quản lý: Danh sách nhận tiền đặt cọc đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Ch L; danh sách những người mua đơn (Bút lục từ số 1958 đến số 1964; từ số 1643 đến số 1645)

- Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã CT, xã L H, xã Ch L, xã H A, xã Đ H, xã H L, huyện H H của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình về việc số người mua đơn đấu giá quyền sử dụng đất, số đơn, số tiền mua đơn và danh sách những người mua đơn đã giao Nguyễn Thị Ng;

- Kết luận giám định số 86/KLGĐTL-PC 09 ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ng dưới mục “Người nhận tiền.” “Sở tư pháp TB” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ng trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 đến M9 (dưới mục “Người lập phiếu”, từ M 10 đến M19 do cùng một người ký, viết ra”*. (Bút lục số 97, 98);

- Kết luận giám định số 6624/C09-P5 ngày 15/9/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: *“Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ng trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M 1 đến M15 do cùng một người ký, viết ra”*. (Bút lục số 105)

- Kết luận giám định số 6625/C09-P5 ngày 30/9/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: *“Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ng trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 do cùng một người ký, viết ra”*. (Bút lục số 110)

- Biên bản làm việc ngày 11/12/2020 và ngày 26/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình làm việc với Trung tâm đấu giá về việc thu tiền mua đơn đấu giá quyền sử dụng đất tại các xã Đ H, H L huyện H H (Bút lục từ số 1379 đến số 1381);

- Lời khai của những người có quyền lợi liên quan.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Là công chức thuộc Trung tâm dịch vụ đấu giá tỉnh Thái Bình được giao nhiệm vụ làm thư ký các cuộc đấu giá tại 6 xã CT, L H, H A, Đ H, H L, Ch L, huyện H H năm

2018, Nguyễn Thị Ng có nhiệm vụ bán đơn, tập hợp tiền đơn nộp về quỹ Trung tâm đấu giá, lợi dụng nhiệm vụ được giao quản lý tiền bán đơn, sau khi thu tiền Nguyễn Thị Ng đã lập danh sách người mua đơn tham gia đấu giá không đúng với số lượng đơn thực tế đã bán, để ngoài danh sách các trường hợp mua đơn nhưng không tham gia đấu giá từ đó tạo ra số tiền chênh lệch là 35.500.000đ chiếm đoạt chi tiêu sử dụng cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tham ô tài sản theo quy định tại Điều 353 BLHS. Ngoài ra, vì động cơ vụ lợi để có được số tiền 13.800.000đ mà các xã đã thu vượt so với quy định 100.000đ/đơn, bị cáo đã làm trái công vụ được giao, không gửi Thông báo bán đấu giá tới UBND các xã trước khi tiến hành cuộc đấu giá, khi biết UBND các xã thu thừa đã không trả lại mà tự thu trái với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 48/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, hành vi của bị cáo đã phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo Điều 356 của Bộ luật hình sự.

Điều 353. Tội tham ô tài sản:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- c) Phạm tội 02 lần trở lên;*

...

Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, gây thiệt hại về tài sản. Bị cáo được giao quản lý tiền mua đơn của người tham gia đấu giá, nhưng nhiều lần lập danh sách không đầy đủ người mua đơn, không nộp đủ số tiền thực thu, chiếm đoạt số tiền 35.500.000đ của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS để xét xử bị cáo. Bị cáo đã thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao khi không gửi thông báo bán đấu giá trong đó có ghi giá bán đơn tham gia đấu đất cho UBND các xã trước khi tiến hành đấu giá dẫn đến các xã không biết mức thu theo quy định nên đã thu cao hơn, Nguyễn Thị Ng biết các xã thu vượt quá quy định nhưng vì vụ lợi nên không trả lại mà giữ lại số tiền là 13.800.000đ chi tiêu cá nhân, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 356 BLHS xét xử bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo và ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, khắc phục toàn bộ thiệt hại đã xảy ra, trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen; đại diện Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản xin giảm hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, do có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai tội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 35.500.000đ của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và 13.800.000đ của những người mua đơn tham gia đấu giá, cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ. Trong số những người mua đơn có ông Nguyễn Văn L theo danh sách ông Lịch mua 22 đơn nhưng sau đó đã bán lại cho bà Nguyễn Thị L 2 đơn, ông Nguyễn Trung H 3 đơn, vì vậy cần buộc bị cáo bồi thường cho ông L, bà L, ông H. Quá trình điều tra bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 49.300.000đ nay cần chuyển sang để thi hành đối với khoản phải bồi thường.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ng phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

[2]. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 356; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng 03 (ba) năm tù về tội “Tham ô tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Ng phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020.

Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự: Cấm bị cáo Nguyễn Thị Ng đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đấu giá tài sản là 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 BLHS;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ng phải bồi thường cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Bình số tiền 35.500.000đ;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ng phải bồi thường cho những ông bà có tên sau:

1. Ông Tạ Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 7, T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 500.000đ;

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Đ N, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;

3. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

4. Ông Đoàn Văn Nh, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;

6. Ông Trần Đình L, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu Chàng I, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 400.000đ;

7. Bà Nguyễn Thi S, địa chỉ: Thôn Đ N, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

8. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn Kh N, xã Ch S, huyện Qu Ph, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu Nhân Cầu 2, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
10. Ông Vũ Quý Đ, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
11. Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn Mỹ Đình, xã VC, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 1.700.000đ;
12. Ông Trần Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Cháp Trung 2, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 400.000đ;
13. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1967, địa chỉ: Khu Tư La, xã M Kh, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 400.000đ;
14. Ông Hà Kh, sinh năm 1962, địa chỉ: xã Ph Kh, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 500.000đ;
15. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
16. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
17. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, địa chỉ: xã Thống Nhất, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
18. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Đôn Nông, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
19. Bà Trần Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Cháp Trung 2, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
20. Bà Nguyễn Thị L (con bà Phạm Thị X), sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T L, xã Đ H, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
21. Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
22. Ông Vũ Thế Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
23. Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

24. Ông Bùi Văn Qu, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
25. Ông Nguyễn Đình Nh, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đồng Hàn, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
26. Bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
27. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
28. Ông Lê Văn N; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
29. Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
30. Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
31. Ông Trần Văn Ngh, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
32. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
33. Ông Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
34. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
35. Ông Trần Xuân Qu, sinh năm 1977; HKTT: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 400.000đ;
36. Ông Hà Văn Th ; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
37. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
38. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
39. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ; (chồng là Nguyễn Xuân Hùng)

40. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
41. Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
42. Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
43. Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 300.000đ;
44. Ông Nguyễn Quang Ph, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
45. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
46. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
47. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 19 ; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
48. Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
49. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
50. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
51. Ông Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;
52. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
53. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
54. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;
55. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;

56. Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ; (bố là Nguyễn Văn M, sinh năm 1958)

57. Ông Phạm Văn Đ; địa chỉ: Thôn H Đ1, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ; (bố là Phạm Văn Nh)

58. Ông Nguyễn Hồng Ph; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

59. Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

60. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn Vũ Đông, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ; (mẹ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1952)

62. Bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Thôn Vũ Đông, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ; (mẹ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1952)

61. Ông Nguyễn Quốc Ph, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

62. Ông Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1947; địa chỉ: Số nhà 32, đường số 9, phố Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ; (2 đơn)

63. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

64. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

65. Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000đ;

66. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H Đ, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

67. Ông Vũ Văn Ng, sinh năm ; địa chỉ: Thôn Hợp Đoàn, xã H L, huyện H H, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000đ;

[4]. Chuyển số tiền 49.300.000đ bị cáo Nguyễn Thị Ng đã nộp bồi thường (được thể hiện tại Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 07/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình) sang khoản thi hành án.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Ng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, ông Đ, ông Nguyễn Hữu Th có mặt tại phiên tòa - có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp;
- UBKT tỉnh ủy;
- UBND Đ H, H L;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Lương Hải Yến